

Số: **5188**/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **09** tháng 12 năm 2019

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Danh mục dữ liệu người dân dùng chung của thành phố

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 52/TTr-STTTT ngày 13 tháng 11 năm 2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục dữ liệu người dân dùng chung của thành phố.

**Điều 2.** Giao Sở Thông tin và Truyền thông:

1. Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tích hợp các dữ liệu có liên quan đến danh mục dữ liệu người dân dùng chung về Kho dữ liệu dùng chung thành phố; xây dựng tài liệu và thực hiện công bố hướng dẫn kỹ thuật chia sẻ dữ liệu cho các đơn vị có nhu cầu khai thác và sử dụng trên Cổng thông tin dữ liệu thành phố tại địa chỉ <http://data.hochiminhcity.gov.vn>.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung danh mục dữ liệu người dân dùng chung khi có phát sinh, thay đổi trong quá trình sử dụng thực tế.

**Điều 3.** Các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông cung cấp dữ liệu liên quan đến Danh mục dữ liệu người dân dùng chung về Kho dữ liệu dùng chung thành phố.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn, thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam TP;  
và các tổ chức chính trị-xã hội;
- VPUB: các PVP;
- Các Phòng CV, TTHH, TTCB;
- Lưu: VT (KT/Loan) MH. 08 .



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Vĩnh Tuyên**





## DANH MỤC DỮ LIỆU NGƯỜI DÂN DÙNG CHUNG CỦA THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5188/QĐ-UBND  
ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

| STT | Thông tin người dân   | Đơn vị có trách nhiệm cung cấp và cập nhật dữ liệu   | Hình thức cập nhật dữ liệu  | Tần suất cập nhật dữ liệu  | Đơn vị được khai thác dữ liệu  |
|-----|---|--|---|--|--|
| 1.  | Số định danh cá nhân  | Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn cập nhật thông qua phần mềm hộ tịch của Bộ Tư pháp | Kết nối và cập nhật cơ sở dữ liệu thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của thành phố (LGSP) | Tần suất cập nhật dữ liệu là 1 lần/ngày;<br>Độ trễ dữ liệu là sau 1 ngày | Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện được cấp tài khoản và phân quyền khai thác dữ liệu |
| 2.  | Họ và tên   |  |   |  |  |
| 3.  | Ngày, tháng, năm sinh   |  |   |  |  |
| 4.  | Giới tính   |  |   |  |  |
| 5.  | Nơi sinh  |  |   |  |  |
| 6.  | Quê quán  |  |   |  |  |
| 7.  | Dân tộc   |  |   |  |  |
| 8.  | Tôn giáo  |  |   |  |  |
| 9.  | Quốc tịch   |  |   |  |  |
| 10. | Nhóm máu  |  |   |  |  |
| 11. | Tình trạng hôn nhân   |  |   |  |  |
| 12. | Trạng thái (còn sống, qua đời, mất tích,...)                                    |  |   |  |  |
| 13. | Chứng minh nhân dân, căn cước công dân  | Công an thành phố  |   |  |  |
| 14. | Nơi thường trú (bao gồm: đường; phường/xã/thị trấn; quận/huyện; tỉnh/thành phố) |  |   |  |  |
| 15. | Quan hệ với chủ hộ  |  |   |  |  |
| 16. | Nơi ở hiện tại (bao gồm: đường; phường/xã/thị trấn; quận/huyện; tỉnh/thành phố) |  |   |  |  |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ